

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
lĩnh vực Thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 4657/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2022 của
UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính
năm 2023;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 984/TTr-SCT
ngày 18 tháng 8 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính lĩnh vực Thương mại quốc tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Công Thương dự thảo Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của UBND tỉnh kèm theo phương án đơn giản hóa đã được thông qua tại Quyết định này, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt gửi Bộ Công Thương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Công Thương (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. Thủ tục: Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)

1. Nội dung đơn giản hóa

1.1. Về trình tự thực hiện:

Đề nghị đơn giản hóa trình tự cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục ENT đối với bước xin ý kiến Bộ Công Thương quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (“*b) Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định này (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này)*”).

Lý do: Tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định:

“1. *Lập cơ sở bán lẻ thứ nhất*

a) *Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ;*

b) *Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;*

c) *Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.*”

Theo đó, Sở Công Thương có thể căn cứ vào Phương án phát triển mạng lưới trung tâm thương mại đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch theo từng giai đoạn để làm căn cứ xem xét việc đáp ứng điều kiện cấp giấy phép mà không nhất thiết phải xin ý kiến của Bộ Công Thương làm tăng thêm thời gian và chi phí tuân thủ tục hành chính.

1.2. Về thành phần hồ sơ

Tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định *"Hồ sơ 02 bộ, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép"*.

Tuy nhiên phải việc xin ý kiến của Bộ Công Thương là không cần thiết như đã nêu trên, do đó đề nghị đơn giản hóa số lượng hồ sơ từ 02 bộ thành 01 bộ, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp giấy phép.

1.3. Về thời hạn giải quyết

Tại khoản 4, khoản 5 Điều 28 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định:

"4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương căn cứ vào nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định này để có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này)".

"5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ. Trường hợp Bộ Công Thương từ chối, Cơ quan cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do".

Tuy nhiên việc phải xin ý kiến Bộ Công Thương là không cần thiết như đã nêu trên, do đó đề nghị bãi bỏ khoản 4, khoản 5 Điều 28 đồng thời giảm thời gian giải quyết từ 23 ngày làm việc xuống 13 ngày làm việc.

2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét sửa đổi, bổ sung Điều 28 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ theo phương án như sau:

"1. Hồ sơ 01 bộ, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này:

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ”.

Đồng thời bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.494.560 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.022.008 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.472.552 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 45%.